

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN L
TỈNH BẮC GIANG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 47/2019/HNGĐ-ST

Ngày: 30-5-2019

V/v ly hôn giữa chị T và anh T

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tạ Thị Thu Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đỗ Thị Hoài Mơ;
2. Ông Nguyễn Tiến Chính.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương, Thư ký Tòa án nhân dân huyện L.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa: Bà Ngô Thị Thắm - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 5 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện L, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 16/2019/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2019 về tranh chấp ly hôn và nuôi con chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 57/2019/QĐXX- ST ngày 12 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trương Thị T, sinh năm 1984 “có mặt”

Nơi ĐKKHKT: Thôn R 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Địa chỉ cư trú: Thôn P, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Bị đơn: Anh Nguyễn Tất T, sinh năm 1977 “vắng mặt”

Địa chỉ cư trú: Thôn R 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 24/12/2018, các lời khai tiếp theo, nguyên đơn chị Trương Thị T trình bày: Chị và anh Nguyễn Tất T đăng ký kết hôn năm

2015 tại UBND xã Q, huyện Ngạn, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện. Sau khi cưới chị về chung sống cùng anh T ngay. Thời gian đầu vợ chồng chung sống hòa thuận, hạnh phúc, đến tháng 5/2018 xảy ra nhiều mâu thuẫn. Nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống và làm ăn kinh tế. Tháng 6/2018 vợ chồng chị đã sống ly thân, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Hai bên gia đình cũng đã hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng không thành. Nay chị xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị đề nghị Tòa án giải quyết cho ly hôn.

Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị và anh T có 01 con chung là Nguyễn Đình Phong, sinh 10/3/2016. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với chị. Ly hôn chị đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh T cấp dưỡng. Hiện nay chị làm việc tại khu công nghiệp Quang Châu – Việt Yên – Bắc Giang, thu nhập 7-8 triệu đồng/tháng, đảm bảo đủ điều kiện để nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Vợ chồng chị tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ngày 12/4/2019 Tòa án tiến hành xác minh tại Công an xã Đ được biết: Anh Nguyễn Tất T có hộ khẩu thường trú tại thôn R 2, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang. Hiện nay anh T đi làm ăn xa nhưng vẫn về địa phương thăm gia đình. Do vậy Tòa án niêm yết các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật, nhưng anh T không có ý kiến, không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình và tại phiên tòa, anh T vẫn vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L tham gia phiên tòa xét xử sơ thẩm, phát biểu ý kiến:

Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử sơ thẩm thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về phía các đương sự, chị T chấp hành nghiêm chỉnh, thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, anh T đã được tổng đạt hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt. Đề nghị HĐXX áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình, các Điều 147, 227, 228, 271, 272 và 273 BLTTDS, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị T, xử cho chị Trương Thị T được ly hôn anh Nguyễn Tất T.

Về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi con Nguyễn Đình Phong, sinh ngày 10/3/2016. Cấp dưỡng nuôi con, tài sản, công nợ các được sự không yêu cầu giải quyết nên không xem xét. Ngoài ra còn đề xuất về án phí và quyền kháng cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho các đương sự. Anh T vắng mặt tại phiên tòa nên Hội đồng xét xử căn cứ Điều 227, Điều 228, của BLTTDS xét xử vắng mặt anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Trương Thị T và anh Nguyễn Tất T đăng ký kết hôn năm 2015 tại UBND xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang trên cơ sở được tự do tìm hiểu và hoàn toàn tự nguyện, nên hôn nhân giữa chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn nên chị T và anh T đã sống ly thân, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau, cắt đứt quan hệ tình cảm và kinh tế. Nay chị T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể đoàn tụ được nên chị khởi kiện xin ly hôn anh T. Quá trình giải quyết vụ án anh T không có ý kiến gì. Điều đó chứng tỏ cuộc sống vợ chồng giữa chị T và anh T đã đến mức trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do vậy cần căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, xử cho chị T được ly hôn anh T.

[3] Về nuôi con chung: Quá trình chung sống giữa chị T và anh T có 01 con chung Nguyễn Đình Phong, sinh ngày 10/3/2016. Cháu khỏe mạnh phát triển bình thường và hiện đang ở với chị T. Ly hôn chị T đề nghị được nuôi con và có đủ điều kiện để nuôi con nên cần căn cứ Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình giao cho chị T nuôi con là phù hợp. Anh T có quyền thay đổi người trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình. Chị T không đề nghị giải quyết về cấp dưỡng nên không đặt ra xem xét.

[4] Về tài sản và công nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra xem xét.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm. Các đương sự có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; các Điều 227, 228 khoản 4 Điều 147, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 24, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa chị Trương Thị T và anh Nguyễn Tất T.

2. Về nuôi con chung: Giao cho chị T trực tiếp nuôi con chung Nguyễn Đình Phong, sinh ngày 10/3 2016. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở anh T thực hiện quyền này.

3. Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tạm ứng án phí tại biên lai thu số AA/2017/0003692 ngày 05/01/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện L.

Báo cho các đương sự có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện L;
- Chi cục THADS huyện L;
- UBND xã Q, huyện L;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Tạ Thị Thu Thủy

